

Bản án số: **466/2024/HS-PT**

Ngày: 25/9/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Công**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Long**

Ông **Phạm Ngọc Thái**

- Thư ký phiên tòa: ông **Phạm Minh Hoàng** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Quách Đức Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm - Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần - Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý 354/2024/TLPT-HS ngày 10 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo **Hoàng Văn Q**, bị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2024/HS-ST ngày 30/5/2024.

- Bị cáo có kháng cáo:

Hoàng Văn Q, sinh năm 1983, tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: **thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Hoàng Văn H** (đã chết) và bà **Luyện Thị N**; có vợ là **Nguyễn Thị T** và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/01/2023 đến ngày 30/7/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, hiện đang tại ngoại, có mặt tại điểm cầu thành phần.

Người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo: ông **Nguyễn Văn N1**, sinh năm 1964 và bà **Nguyễn Thị N2**, sinh năm 1966; cùng cư trú tại: **thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH MTV L (viết tắt là Công ty) được Nhà nước giao quản lý và bảo vệ rừng trên diện tích rừng và đất lâm nghiệp 8.431,5 ha tại các Tiểu khu: 540, 544, 546, 547A, 547B, 550, 551, 556, 557, thuộc 02 **xã E và E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**.

Ngày 31/8/2011, Ban lãnh đạo Công ty họp theo sự triệu tập của ông **Dương Văn S** - Chủ tịch, kiêm Tổng giám đốc công ty, là người chủ trì cuộc họp, thành phần tham dự có các đại diện các đơn vị, phòng ban thuộc Công ty. Tại cuộc họp, ông **Dương Văn S** đặt vấn đề về diện tích đất lâm nghiệp do công ty quản lý có một số diện tích bị người dân phá, lấn chiếm để trồng cây công nghiệp dài ngày từ năm 2008 trở về trước và đã cho thu hoạch với diện tích khoảng 300 ha tại các **tiểu khu E**, 547, 550, 556 và 557, người dân tự ý làm nhà, lấn trại trên đất xâm lấn.

Do vậy, để quản lý được được diện tích này nhằm hạn chế tình trạng phá rừng làm nương rẫy, tạo thêm nguồn thu nhập cho đơn vị để trả tiền thuê đất, thuê rừng và kinh phí công tác quản lý bảo vệ rừng, có thể xem xét ký thí điểm hợp đồng giao khoán một vài trường hợp. Sau khi thảo luận, cuộc họp thống nhất chủ trương giao cho các đơn vị tiến hành rà soát, đo đạc diện tích đất lâm nghiệp bị người dân lấn chiếm, trong đó đối với diện tích người dân lấn chiếm trồng cây công nghiệp sau năm 2008 thì phá bỏ, còn diện tích đất lâm nghiệp người dân lấn chiếm trồng cây công nghiệp từ năm 2008 trở về trước thì tiến hành thống kê, rà soát và giao cho Xí nghiệp cà phê tiến hành làm việc để thỏa thuận với các hộ dân tự nguyện nhận đơn nhận khoán để thực hiện thí điểm ký hợp đồng giao khoán một vài trường hợp để trình Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc **công ty X**, giải quyết. Sau đó nếu thấy phù hợp và có hiệu quả thì giao cho **P** kỹ thuật phối hợp với Xí nghiệp cà phê, Lâm trường **Buôn Ja W** tiến hành rà soát, thống kê, đo đếm diện tích cụ thể diện tích bị người dân phá, lấn chiếm để trồng cây công nghiệp dài ngày từ năm 2008 trở về trước, lập tờ trình, xây dựng phương án trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện đại trà trên diện rộng. Ông **Phạm Quang T1** - Thư ký cuộc họp đã tổng hợp các ý kiến, đánh máy lại nội dung biên bản và đưa cho những người tham gia cuộc họp nêu trên ký tên đầy đủ. Đến ngày 04/4/2012, Công ty làm Tờ trình số 25/TTr-CT đề nghị **UBND tỉnh Đ**, **Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đ** cho phép Công ty được hợp đồng giao khoán với người dân lấn chiếm đất và trồng cây công nghiệp dài ngày từ năm 2008 trở về trước nhưng không có văn bản trả lời cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

Hoàng Văn Q được bổ nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng Quản lý bảo vệ rừng thuộc Lâm trường Buôn Ja Wằm theo Quyết định số 9/QĐ-Cty ngày 16/3/2012, có nhiệm vụ thực hiện công tác quản lý, bảo vệ rừng theo Điều lệ của **Công ty L**. Từ năm 2012 đến 2014, **Hoàng Văn Q** đã sử dụng mẫu số Hợp đồng liên kết sử dụng đất lâm nghiệp do ông **Ngô Văn N3** - Trưởng phòng Kỹ thuật của Lâm trường soạn thảo để giao cho một số hộ dân có diện tích lấn chiếm đất lâm nghiệp trồng cây công nghiệp dài ngày từ năm 2008 trở về trước thuộc **Tiểu khu E** và 547B. Trong các hợp đồng có ghi thông tin diện tích, vị trí lô đất và sản lượng quả cà phê tươi phải nộp hàng năm của các hộ liên kết với mức thu 1,1 đến 1,2 tấn cà phê quả tươi/ha/năm, thời hạn hợp đồng 20 năm, không có chữ ký của đại diện Lâm trường, chỉ có hình dấu tròn của Lâm trường, hình dấu tên của ông **Phạm Đình T2** - Giám đốc Lâm trường và chữ ký của các hộ dân sử dụng đất.

Các hộ dân canh tác tại các lô đất đã trồng cây công nghiệp dài ngày (cà phê, tiêu, điều) trên diện tích đất lâm nghiệp tự khai hoang hoặc mua lại của người dân khác khai hoang tại **Tiểu khu E**, 547B, thuộc lâm phần quản lý của Lâm trường **Buôn Ja W**, trong quá trình canh tác đã được **Hoàng Văn Q** và một số cán bộ của Lâm trường kiểm

tra, rà soát diện tích và yêu cầu ký hợp đồng liên kết sử dụng đất lâm nghiệp, nếu không thì Lâm trường sẽ chặt phá hết cây trồng trên diện tích đất đang canh tác thuộc quản lý của Lâm trường. Do đó, các hộ dân đã đến Lâm trường **Buôn Ja W** gặp **Hoàng Văn Q** để ký Hợp đồng liên kết là Bên nhận khoán. Do các hộ dân tin tưởng việc ký kết hợp đồng và đóng tiền sản lượng hàng năm cho **Hoàng Văn Q** là đúng quy định nên trong các năm từ 2012 đến 2014, các hộ dân này đã đóng tiền sản lượng cả phê theo hợp đồng (đóng đủ hoặc đóng thiếu do được **Q** xét giảm số tiền đóng).

Kết quả điều tra xác định 09 hộ dân gồm **Ngô Đình D**, **Võ Văn V**, **Nguyễn Hữu M**, **Lô Văn U**, **Vi Văn T3**, **Nguyễn Văn N1**, **Hà Văn T4**, **Y Suk M1**, **Bùi Đình T5** là các hộ dân canh tác tại các lô đất trồng cây công nghiệp dài ngày (cà phê, tiêu, điều) trên diện tích đất lâm nghiệp tự khai hoang hoặc mua lại của người dân khác khai hoang tại **Tiểu khu E**, 547B, thuộc lâm phần quản lý của Lâm trường **Buôn Ja W**. Các hộ dân đã đến Lâm trường **Buôn Ja W** gặp **Hoàng Văn Q** để ký Hợp đồng liên kết với Công ty với tư cách là bên nhận khoán, do thời gian đã lâu và thất lạc phiếu thu nên 09 hộ dân chỉ xác định chính xác số tiền đã nộp trực tiếp cho **Hoàng Văn Q** theo 16 tờ phiếu thu tiền (gồm 02 phiếu thu bản gốc, 10 phiếu thu bản viết giấy than và 04 tờ phiếu thu bản photo) với tổng số tiền 89.982.000 đồng, cụ thể:

- Hộ ông **Nguyễn Văn N1**, sinh năm 1964 và bà **Nguyễn Thị N2**, sinh năm 1966, trú tại: **thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**, tổng số tiền 14.185.000 đồng.
- Hộ ông **Võ Văn V**, sinh năm 1970, trú tại: **tổ dân phố Q, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**, tổng số tiền 15.000.000 đồng.
- Hộ ông **Lô Văn U**, sinh năm 1983, trú tại: **Buôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**, số tiền: 3.500.000 đồng.
- Hộ ông **Ngô Đình D**, sinh năm 1964, trú tại: **thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**, số tiền 5.000.000 đồng.
- Hộ ông **Vi Văn T3**, sinh năm 1958, trú tại: **Buôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**, tổng số tiền 10.000.000 đồng.
- Hộ ông **Nguyễn Hữu M**, sinh năm 1974, trú tại: **thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**, tổng số tiền 29.283.000 đồng.
- Hộ ông **Y Suk M1**, sinh năm 1949, trú tại: **Buôn M, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**, số tiền 3.500.000 đồng.
- Hộ ông **Bùi Đình T5**, sinh năm 1970, trú tại: **thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**, tổng số tiền 5.400.000 đồng.
- Hộ ông **Hà Văn T4**, bà **Nguyễn Thị N4**, sinh năm 1969, trú tại: **Buôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**, số tiền 4.114.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 834/KLGD-PC09 ngày 25/8/2021 của **Phòng K Công an tỉnh Đ**; Kết luận giám định số 1280/KLGD-KTHS ngày 13/11/2023 của **Phòng K Công an tỉnh Đ** và Kết luận giám định bổ sung số 4168/C09B ngày 09/11/2021 của Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh xác định: *Chữ ký, chữ viết trên các tờ phiếu thu là bản chính và bản viết giấy than so với chữ viết, chữ ký của Hoàng Văn Q, là do một người viết, ký ra; Dấu tên ông “Phạm Đình T2” và hình dấu tròn Lâm trường Buôn Ja W tại các Sổ hợp đồng liên kết sử dụng đất*

lâm nghiệp và P1 thu, là do cùng một con dấu đóng ra).

Tại bản Kết luận giám định số 1305/KLGD-KTHS ngày 03/11/2023 của **Phòng K Công an tỉnh Đ**, kết luận: Mẫu con dấu tròn LÂM TRƯỜNG BUỒN JA WÂM CHI NHÁNH **CÔNG TY TNHH MTV L1 WÂM*H. CUM'GAR - T. ĐAK LAK * M.S.C.N:6000178555-008-C.T.T.N.H.H**” trên Thông báo (V/v thu sản lượng cà phê năm 2012) ngày 06/12/2012 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một con dấu đóng ra; Hình dấu tên có nội dung “**Phạm Đình T2**” trên thông báo thu sản lượng so với hình dấu tên có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một con dấu đóng ra; Chữ viết trên thông báo thu sản lượng là của **Hoàng Văn Q**; Chữ ký mang tên **Phạm Đình T2** trên thông báo thu sản lượng so với chữ ký mang tên **Phạm Đình T2** trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2024/HS-ST ngày 30/5/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Tuyên bố: bị cáo **Hoàng Văn Q** phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 355; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Hoàng Văn Q** 02 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 02/01/2023 đến ngày 30/7/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 12/6/2024, bị cáo **Hoàng Văn Q** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Hoàng Văn Q** và sửa Bản án hình sự sơ thẩm 52/2024/HS-ST ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk để giảm cho bị cáo một phần phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/6/2024, bị cáo **Hoàng Văn Q** kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt. Đơn kháng cáo của bị cáo là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo:

[2.1]. Về tội danh và điều khoản luật áp dụng:

Lợi dụng chủ trương của **Công ty TNHH MTV L** yêu cầu Xí nghiệp cà phê, Lâm trường **Buôn Ja W**, Phòng kỹ thuật của Công ty tiến hành kiểm tra, rà soát lại

toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp thuộc lâm phần quản lý của công ty bị người dân lấn chiếm canh tác trồng cây công nghiệp; **Hoàng Văn Q** là Phó trưởng Phòng quản lý bảo vệ rừng - Lâm trường **Buôn Ja W**, đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao để ký hợp đồng liên kết sử dụng đất lâm nghiệp, thu tiền khoán sản lượng trái phép và chiếm đoạt của 09 hộ dân với tổng số tiền 89.982.000 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án **Hoàng Văn Q** về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 355 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.2]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, đã xâm phạm vào hoạt động đúng đắn và uy tín của cơ quan, tổ chức, trực tiếp xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản của người khác, gây dư luận xấu tại địa phương nơi bị cáo cư trú và làm việc. Vì vậy, cần có mức hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo được sự răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và công tác phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại, được bị hại xin giảm hình phạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ Luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đúng quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tài liệu là các Giấy khen của Giám đốc **Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đ**, Tổng giám đốc **Công ty TNHH MTV L** vì đã có thành tích xuất sắc trong quá trình công tác; các bị hại ông **Nguyễn Văn N1**, bà **Đậu Thị H1** có Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Sau khi xem xét thận trọng toàn diện vụ án, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hậu quả vật chất của hành vi phạm tội đã được khắc phục toàn bộ, thái độ nhân văn từ phía bị hại đối với bị cáo,... Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận kháng cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt để thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội thực sự biết ăn năn, hối cải, sự nhân văn từ chính các bị hại đối với bị cáo; đồng thời, tạo động lực để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm tái hòa nhập với cộng đồng, trở thành công dân có ích cho xã hội

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo **Hoàng Văn Q** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm (theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng

ngợi, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Hoàng Văn Q**, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2024/HS-ST ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 355; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn Q** 01 (một) năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 02/01/2023 đến ngày 30/7/2023.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Hoàng Văn Q** không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao – Vụ GDKT I;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Công

